

Bản án số: 53/2025/DS-PT
Ngày: 31-3-2025.
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo
Các Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh
Bà Đinh Thị Q Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên Viện kiểm sát.

Trong ngày 26 tháng 3 và ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 06/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77B/2024/DS -ST ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện HQ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2025/QĐXXPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Viết Q, sinh năm 1963; Bà Trần Thị H, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp BL, xã TL, huyện HQ, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Q, bà H: Bà Nguyễn Ngọc DH1, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 5, ấp XC, xã TB, huyện HQ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1952; Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1955; cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp TS, xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980 (Có mặt)
2. Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 09/01/2018, ông Phạm Viết Q, bà Trần Thị H có cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G vay với số tiền là 500.000.000 đồng. Khi vay các bên có làm giấy vay tiền có chữ ký của ông N, bà G trong giấy vay tiền. Mục đích vay sử dụng vào việc gia đình của ông N, bà G. Các bên thỏa thuận thời hạn vay 01 năm, lãi suất vay là 1,5% tháng. Sau khi vay thì ông N, bà G trả được số tiền 350.000.000 đồng tiền gốc và trả được 7 tháng tiền lãi. Sau đó thì ông N, bà G không trả được tiền nữa.

Nay ông Phạm Viết Q, bà Trần Thị H yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G phải trả số tiền vay còn lại là 150.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 09/01/2021, mức lãi suất là 1,5%/ tháng trên tổng số tiền là 150.000.000 đồng.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2024, biên bản đối chất ngày 7/9/2024, biên bản hòa giải ngày 13/9/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ông Nguyễn Văn N thừa nhận có vay của ông Q, bà H với tổng số tiền là 500.000.000 đồng, tại thời điểm vay có làm giấy vay tiền, ông N, bà G ký vào giấy vay tiền. Thời hạn vay là 01 năm, mục đích vay là sử dụng vào việc gia đình. Quá trình vay thì ông N, bà G đã trả được 400.000.000 đồng tiền gốc và 7 tháng tiền lãi. Số tiền còn lại 100.000.000 đồng ông N đã đưa cho con dâu là bà Nguyễn Thị H2 để trả cho ông Q, bà H.

Do đó hiện nay ông Q, bà H khởi kiện ông N, bà G trả tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất thì ông N, bà G không đồng ý.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị H2 là con dâu của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị G. Quá trình vay thì ông N, bà G đã trả được tiền lãi 7 tháng, còn tiền gốc thì trả được 400.000.000 đồng. Số tiền gốc còn lại 100.000.000 đồng do ông Q bán cà phê của bà H2 nên cản trở vào số tiền mà ông N, bà G có nợ của ông Phạm Viết Q và bà Trần Thị H nên ông N, bà G không có nghĩa vụ trả tiền gốc cho ông Q, bà Trần Thị H.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn B không đến Tòa án nên không trình bày ý kiến của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77B/2024/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2024

của Toà án nhân dân huyện HQ, tỉnh Bình Phước quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các các điều 274, 275, 276, 280, 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của ông Phạm Viết Q, bà Trần Thị H tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả cho bà ông Phạm Viết Q, bà Trần Thị H số tiền là 250.800.000 đồng trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất là 100.800.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 14/10/2024, các bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77B/2024/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Phạm Viết Q, bà Trần Thị H khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả số tiền là 150.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/ tháng từ ngày 09/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (03/10/2024). Tài liệu chứng cứ ông Q đưa ra là giấy vay tiền ngày 09/1/2018 có chữ ký của ông N, bà G.

Ông N, bà Gái thừa nhận ngày 09/01/2021 có vay của ông Q, bà H số tiền 500.000.000đ. Tuy nhiên, ông N, bà G cho rằng đã trả số tiền 400.000.000đ cho ông Q, bà H và trả cho bà Lê Thị H3 (con dâu ông Q) số tiền 100.000.000đ. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng ông N, bà G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện đã trả số tiền 400.000.000đ cho ông Q, bà H. Đối với số tiền 100.000.000đ cho rằng đã đưa cho bà H3 trả thay nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, bà Lê Thị H3 không thừa nhận nên lời trình bày của ông N, bà G không có căn cứ chấp nhận. Do đó, bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G phải trả số tiền 250.800.000 đồng trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất là 100.800.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N, bà G không cung cấp được các tài liệu chứng cứ gì thêm để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77B/2024/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu; tuy nhiên do ông N, bà G là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77B/2024/DSST ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện HQ, tỉnh Bình Phước. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 93, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 274, 275, 276, 280, 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của ông Phạm Viết Q, bà Trần Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả cho bà ông Phạm Viết Q, bà Trần Thị H số tiền là 250.800.000 đồng trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất là 100.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị G được miễn.

Hoàn trả lại cho ông Phạm Viết Q, bà Trần Thị H số tiền 6.061.575 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014819 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị G được miễn.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện HQ;
- TAND huyện HQ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo